

Bản án số: 108/2024/DS-ST

Ngày: 19-8-2024.

Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Tiến Dũng;

2/ Ông Lê Huỳnh Hải Đăng.

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hoà Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bích Du - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ: số 266 – 268 đường N, phường V, Quận 3, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Đức Thanh D – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Hồng S – Giám đốc Ngân hàng S chi nhánh tỉnh T (theo giấy ủy quyền lập ngày 06-3-2024)

Người đại diện theo ủy quyền: anh Cao Hiền Trí P, sinh năm 1972 – Chuyên viên quản lý nợ; địa chỉ: số 217-219 đường 30/4, khu phố 3, Phường 2, thành phố T, tỉnh T (Giấy uỷ quyền số 79/2024/GUQQ-CNTN ngày 06-3-2024) – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: ông Khuru Minh Q, sinh năm 1964; địa chỉ: số nhà 14/14, Tổ 01 ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 14-02-2023 giữa Ngân hàng S và ông Khuru Minh Q có ký một hợp đồng tín dụng dưới dạng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 2518029 với hạn mức 50.000.000 đồng. Mục đích vay là để tiêu dùng, biện pháp bảo đảm: tín chấp; lãi suất thỏa thuận 2,77%/tháng, lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngày 10-3-2023 ông Q bắt đầu sử dụng thẻ và rút số tiền gốc là 49.131.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ ông Q nhiều lần rút và thanh toán gốc và lãi cho ngân hàng đến ngày 10-5-2023 thì ông Q g rút tiền từ thẻ tín dụng lần cuối cùng. Sau giao dịch rút tiền, ông Q thanh toán tiền đúng hạn đến ngày 10-02-2024 thì ngưng thanh toán. Thời điểm này số tiền nợ thẻ tín dụng của ông Q còn nợ ngân hàng là 54.478.515 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 08-7-2024 là 11.226.256 đồng. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ ông Q để yêu cầu thanh toán số tiền nợ này nhưng ông Q không thanh toán.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Khuru Minh Q trả nợ cho ngân hàng số tiền nợ gốc 54.478.515 đồng và tiền lãi tính đến ngày 19-8-2024 là 14.390.704 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi ông Q hết nợ cho ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt do đó không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H phát biểu ý kiến:

1/Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

2/Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp của ngân hàng anh Phương có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3/Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, các Điều 274, 275, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án. Viện KSND thị xã H đề nghị HĐXX TAND thị xã H: chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc ông Q trả cho Ngân hàng số tiền gốc 54.478.515 đồng và tiền lãi theo lãi suất trong hợp đồng đã giao kết.

Về án phí: đề nghị tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) thì thấy rằng: Ngày 14-02-2023 ông Khuru Minh Q có ký với Ngân hàng hợp đồng tín dụng dưới hình thức “Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng” với hạn mức cấp tín dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất trong hạn là 2,77%/tháng, lãi quá hạn được tính bằng 150% lãi suất trong hạn. Quá trình sử dụng thẻ ông Q sử dụng thẻ và thanh toán đến ngày 10-01-2024 thì ngưng giao dịch. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 10-02-2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Theo bản tóm tắt sao kê của Ngân hàng thì số tiền gốc mà ông Q còn nợ của Ngân hàng tính đến thời điểm cuối cùng ông Q ngưng giao dịch là 54.478.515 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền nợ gốc là 54.478.515 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 19-8-2024 là 14.390.704 đồng. Tổng cộng là 68.869.219 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 20-8-2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Q đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình.

Từ những phân tích trên xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S buộc ông Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 54.478.515 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 19-8-2024 là 14.390.704 đồng. Tổng cộng là 68.869.219 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 20-8-2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

[3] Từ những phân tích nêu trên chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng, các Điều 274, 275, 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S đối với ông Khuru Minh Q về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Khuru Minh Q có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng S số tiền nợ gốc 54.478.515 đồng và tiền nợ lãi tính đến ngày 19-8-2024 là 14.390.704 đồng, tổng cộng là 68.869.219 đồng (Sáu mươi tám triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm mười chín đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 20-8-2024 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

2. Về án phí sơ thẩm dân sự: ông Khuru Minh Q phải chịu 3.444.000 đồng (Ba triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng S được nhận lại 1.384.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010904 ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THA DS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**